

CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2024-25
(HỆ CÔNG LẬP)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDDT ngày /4/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:						
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
1	THPT Thủ Thiêm	13	585	13	585					
2	THPT Giồng Ông Tố	13	585	13	585					
3	THPT Nguyễn Văn Tăng	19	855	19	855					
4	THPT Nguyễn Huệ	16	720	16	720					
5	THPT Long Trường	14	630	14	630					
6	THPT Phước Long	14	630	14	630					
7	THPT Dương Văn Thị	11	495	11	495					
8	THPT Bình Chiểu	14	630	14	630					
9	THPT Nguyễn Hữu Huân	17	695	10	450			2	70	5
10	THPT Thủ Đức	18	810	18	810					
11	THPT Hiệp Bình	15	675	15	675					
12	THPT Linh Trung	18	810	18	810					
13	THPT Đào Sơn Tây	14	630	14	630					
14	THPT Tam Phú	13	585	13	585					
15	Phổ thông Năng khiếu thể thao Olympic	3	70							3
16	THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	13	455							13
17	THPT Trung Vương	15	675	15	675					
18	THPT Bùi Thị Xuân	17	745	15	675			2	70	
19	THPT Ten Lơ Man	13	585	13	585					
20	THPT Lương Thế Vinh	8	330	5	225			3	105	
21	THPT Năng Khiếu TDTT	7	210	7	210					
22	Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm	10	450	10	450					
23	THPT Lê Quý Đôn	14	490	14	490					
24	THPT Marie Curie	30	1,100	29	1,055	1	45			
25	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	16	690	13	585	2	70	1	35	
26	THPT Nguyễn Thị Diệu	17	765	17	765					
27	THPT Nguyễn Hữu Thọ	15	675	15	675					
28	THPT Nguyễn Trãi	14	630	14	630					

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:						
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
29	THPT chuyên Lê Hồng Phong	22	770							22
30	Trung học Thực hành Đại học Sư phạm	8	280	8	280					
31	THPT Trần Khai Nguyên	17	765	17	765					
32	THPT Trần Hữu Trang	7	315	7	315					
33	THPT Hùng Vương	23	1,035	23	1,035					
34	Trung học thực hành Sài Gòn	5	175	4	140			1	35	
35	THPT Phạm Phú Thứ	17	765	17	765					
36	THPT Bình Phú	15	675	15	675					
37	THPT Nguyễn Tất Thành	16	720	16	720					
38	THPT Mạc Đĩnh Chi	26	1,090	18	810			2	70	6
39	Trường Quốc tế Việt Nam - Phần Lan	2	50	2	50					
40	THPT Ngô Quyền	16	720	16	720					
41	THPT Lê Thánh Tôn	14	630	14	630					
42	THPT Tân Phong	14	630	14	630					
43	THPT Nam Sài Gòn	5	225	5	225					
44	THPT Lương Văn Can	14	630	14	630					
45	THPT Tạ Quang Bửu	14	630	14	630					
46	THPT Nguyễn Văn Linh	16	720	16	720					
47	THPT Võ Văn Kiệt	14	630	14	630					
48	THPT Ngô Gia Tự	14	630	14	630					
49	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	15	585	9	405					6
50	THPT Nguyễn An Ninh	15	675	15	675					
51	THPT Nguyễn Khuyến	16	720	16	720					
52	THPT Nguyễn Du	17	595	17	595					
53	THCS và THPT Sương Nguyệt Anh	6	270	6	270					
54	THCS và THPT Diên Hồng	10	450	10	450					
55	THPT Trần Quang Khải	18	810	18	810					
56	THPT Nguyễn Hiền	13	455	13	455					

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:						
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
57	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	18	810	18	810					
58	THPT Võ Trường Toản	15	675	15	675					
59	THPT Trường Chinh	19	855	19	855					
60	THPT Thạnh Lộc	15	675	15	675					
61	THPT Nguyễn Thượng Hiền	16	640	8	360			3	105	5
62	THPT Nguyễn Thái Bình	16	720	16	720					
63	THPT Nguyễn Chí Thanh	18	810	18	810					
64	THPT Trần Phú	15	675	15	675					
65	THPT Lê Trọng Tấn	15	675	15	675					
66	THPT Tân Bình	16	720	16	720					
67	THPT Tây Thạnh	22	990	22	990					
68	THPT Gò Vấp	14	630	14	630					
69	THPT Trần Hưng Đạo	20	900	20	900					
70	THPT Nguyễn Công Trứ	19	855	19	855					
71	THPT Nguyễn Trung Trực	20	900	20	900					
72	THPT Võ Thị Sáu	19	855	19	855					
73	THPT Phan Đăng Lưu	14	630	14	630					
74	THPT Hoàng Hoa Thám	20	900	20	900					
75	THPT Trần Văn Giàu	14	630	14	630					
76	THPT Gia Định	20	810	11	495			3	105	6
77	THPT Thanh Đa	15	675	15	675					
78	THPT Phú Nhuận	19	825	16	720			3	105	
79	THPT Hàn Thuyên	11	495	11	495					
80	THPT An Lạc	15	675	15	675					
81	THPT Bình Hưng Hòa	15	675	15	675					
82	THPT Vĩnh Lộc	14	630	14	630					
83	THPT Nguyễn Hữu Cánh	15	675	15	675					
84	THPT Bình Tân	16	720	16	720					
85	THPT Tân Túc	16	720	16	720					
86	THPT Bình Chánh	17	765	17	765					
87	THPT Đa Phước	17	765	17	765					
88	THPT Năng khiếu TDTT Huyện Bình Chánh	12	510	10	450					2
89	THPT Lê Minh Xuân	15	675	15	675					
90	THPT Phong Phú	17	765	17	765					
91	THPT Vĩnh Lộc B	14	630	14	630					

STT	Tên đơn vị	Chỉ tiêu tuyển sinh NH 2024-2025		Chia ra:						
				Lớp 10 thường		Lớp 10 Song ngữ tiếng Pháp		Lớp 10 tích hợp		Lớp 10
		Tổng số lớp 10	Tổng số HS lớp 10	Số lớp 10	Số học sinh lớp 10	Số lớp	Số học sinh	Số lớp	Số học sinh	Số lớp
92	THPT Củ Chi	16	720	16	720					
93	THPT An Nhơn Tây	18	810	18	810					
94	THPT Phú Hòa	13	585	13	585					
95	THPT Quang Trung	14	630	14	630					
96	THPT Trung Phú	15	675	15	675					
97	THPT Tân Thông Hội	13	585	13	585					
98	THPT Trung Lập	12	540	12	540					
99	THPT Bà Điểm	15	675	15	675					
100	THPT Nguyễn Hữu Tiến	11	495	11	495					
101	THPT Hồ Thị Bi	11	495	11	495					
102	THPT Lý Thường Kiệt	12	540	12	540					
103	THPT Nguyễn Hữu Cầ	15	665	14	630			1	35	
104	THPT Phạm Văn Sáng	15	675	15	675					
105	THPT Nguyễn Văn Cừ	13	585	13	585					
106	THPT Dương Văn Dương	14	630	14	630					
107	THPT Long Thới	11	495	11	495					
108	THPT Phước Kiển	12	540	12	540					
109	THPT Cần Thạnh	8	320	8	320					
110	THPT An Nghĩa	11	460	11	460					
111	THPT Bình Khánh	8	360	8	360					
112	THCS và THPT Thạnh An	2	45	2	45					
113	THPT Quốc tế Việt Úc	4	90	4	90					

(*): Thực hiện chủ trương "Xây dựng Đề án tổ chức lại Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa trên cơ sở tách Trường Tr thành (1) Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và (2) Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa dục và Đào tạo sẽ ban hành Quyết định giao chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2024-2025 bổ sung cho trường (2) Trường Trung học

o dục và Đào tạo)

		Ghi chú
) chuyên, năng khiếu TDTT		
Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
175	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35).	
70	NK TDTT	
455	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Sinh học (35), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70-Đề án 5695), Tin học (35), Địa lí (35), Lịch sử (35).	Thực hiện chủ trương tổ chức lại (*)
		FIEF (45).
		FIEF (70).

		Ghi chú
) chuyên, năng khiếu TDDT		
Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
770	Ngữ văn (70), Toán (105), Vật lí (70), Hóa học (70), Sinh học (70), Tiếng Anh (105), Tiếng Anh (70-Đề án 5695), Tin học (35), Địa lí (35), Lịch sử (35), Tiếng Trung (35), Tiếng Nhật (35), Tiếng Pháp (35).	
210	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Sinh học (35), Tiếng Anh (35).	
180	NK TDDT	

		Ghi chú
) chuyên, năng khiếu TDDT		
Số học sinh	Môn chuyên, Năng khiếu	
175	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35).	
210	Ngữ văn (35), Toán (35), Vật lí (35), Hóa học (35), Tiếng Anh (35), Tin học (35).	
60	NK TDDT	

